TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 21/10/2020
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Lan Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Hợp và Bà Hoàng Thị Huyền

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lương Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông – Kiểm sát viên

Vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 179 /2020/ TLST - HNGĐ ngày 18/8/2020 về việc " Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1967.

HKTT: ĐCA, xã NT, huyện LS, tỉnh HB.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị T – sinh năm 1968

HKTT: Xóm ĐĐ, xã LS, huyện LS, tỉnh HB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/8/2020; Trả lời thông báo thụ lý vụ án; Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn; Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T với chị Hoàng Thị T được gia đình giới thiệu tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/11/1997 tại Ủy ban nhân dân xã LS, huyện LS, tỉnh HB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn ĐC, xã NT, huyện LS,

tỉnh HB. Trong thời gian chung sống vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn do anh hay say rượu về không làm chủ được bản thân nên chửi bới xúc phạm chị T. Vì vậy chung sống chỉ khoảng hai tháng thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn ĐĐ, xã LS, huyện LS, tỉnh HB. Vợ chồng sống ly thân đã 23 năm, thời gian đầu khi ly thân anh có vài ba lần xuống quê vợ để hòa giải nhưng đều bị anh em nhà vợ đuổi về không cho lấy nhau nữa.Từ ngày sống ly thân vợ chồng anh không quan tâm đến nhau, thi thoảng anh đến nhà vợ là để thăm con, anh không còn thương yêu chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 12/02/1998. Hiện nay cháu B trên 18 tuổi, có công việc ổn định, cháu đang làm công nhân tại khu công nghiệp huyện LS. Thời gian mang bầu cũng như sinh cháu B vợ anh là chị Hoàng Thị T ở nhà bố mẹ đẻ, do bực tức anh nên chị T tự đi làm giấy khai sinh cho con mang họ mẹ là Hoàng Ngọc B, sinh ngày 22/12/1998, sau này chị T suy nghĩ lại nên đã đổi họ cho cháu B theo họ Nguyễn của anh là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 12/02/1998, toàn bộ giấy tờ của cháu B là do chị T làm nên anh không biết. Tại phiên tòa ngày 30/9/2020 anh T cho rằng cháu B không phải là con anh, anh đề nghị giám định ADN để xác định huyết thống cha con giữa anh và cháu B rồi tự ý bỏ về, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay anh trình bày không yêu cầu giám định ADN nữa và thừa nhận cháu B là con chung của vợ chồng anh, cháu đã trên 18 tuổi,anh không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị T chỉ đến Tòa làm việc vào ngày 26/8/2020, còn những lần làm việc khác Tòa án đã tiến hành giao nhận hợp lệ các văn bản của Tòa cho chị T như: Thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 3439/TB - TA ngày 01/9/2020 và thông báo hòa giải lần hai số 3446/TB - TA ngày 07/9/2020, chị T không đến Tòa làm việc theo quy định của pháp luật nên không tiến hành hòa giải được. Trong bản tự khai ngày 26/8/2020 cũng như tại phiên tòa chị T trình bày ý kiến như sau: Chị xác nhận do gia đình hai bên giới thiệu nên anh chị đã tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/11/1997 tại Ủy ban nhân dân xã LS, huyện LS, tỉnh HB. Quá trình chung sống anh T thường xuyên say rượu không làm chủ được bản thân nên hay xúc phạm đánh đập chị trong khoảng thời gian gần một năm chung sống.Do anh T đánh đập chửi bới nhiều nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn

ĐĐ, xã LS, huyện LS, tỉnh HB sống từ tháng 8/1998 đến nay. Trong bản tự khai chị T trình bày chị và anh Nguyễn Văn T sống ly thân từ tháng 8/1998 đến nay, nhưng tại phiên tòa chị T lại trình bày anh chị không sống cùng nhau chứ không phải sống ly thân, anh chị chỉ thực sự sống ly thân được khoảng mười năm, nay anh Toàn đề nghị ly hôn với chị, anh chị có nhiều khúc mắc nên chị chưa đồng ý. Nếu anh T đồng ý trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi cháu B vừa sinh ra đến khi cháu đủ 18 tuổi thì chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 12/02/1998. Lúc đầu khi sinh con ra vì giận anh Toàn và nghĩ con mang họ bố hay mẹ đều được nên chị đăng ký khai sinh cho con là Hoàng Ngọc B, sinh ngày 22/12/1998 như trong trích lục giấy khai sinh ngày 15/7/2020. Tuy nhiên sau đó khi cháu B đến tuổi đi học chị nhận thấy không cho con mang họ cha sẽ thiệt thòi cho con nên chị đã đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị sửa lại họ, tên đệm và ngày tháng sinh của con, nay chị khẳng định con anh chị tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 12/02/1998. Con anh chị đã trên 18 tuổi, có công việc làm ổn định, nhưng từ khi chị sinh con anh T không có trách nhiệm với con, chị nuôi con một mình nên chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị từ khi cháu B vừa sinh đến khi cháu đủ 18 tuổi với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án lúc đầu chị trình bày về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa giải quyết, nhưng tại phiên tòa ngày 25/9/2020 chị T thay đổi quan điểm, chị yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng chị nên Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại phòng nghị án quyết định ngừng phiên tòa để xác minh thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản chung của vợ chồng anh T chị T. Tuy nhiên ngày 29/9/2020 chị T gửi Tòa án một đơn đề nghị với nội dung chị không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng chị trong vụ án ly hôn này, mà sẽ đề nghị giải quyết về tài sản chung trong một vụ án khác và tại phiên tòa ngày hôm nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm này.

Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 09/9/2020 đại diện xóm ĐC; Biên bản xác minh ngày 03/9/2020 đại diện xóm ĐĐ đều xác nhận anh Nguyễn Văn T, trú tại thôn ĐCA, xã NT, huyện LS, tỉnh HB và chị Hoàng Thị T, trú tại xóm ĐĐ, xã LS, huyện LS, tỉnh HB, có đăng ký kết hôn năm 1997, vợ chồng chung sống được khoảng mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là anh T thường xuyên rượu chè nên vợ chồng xẩy ra xích mích, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm ĐĐ sống và nuôi con một mình từ năm 1998

đến nay.Nay anh T có đơn xin ly hôn với chị T, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Nguyễn Hoàng B con trai anh T, chị T tại phiên tòa trình bày từ khi cháu sinh ra đã không thấy bố mẹ cháu ở cùng nhau, năm cháu 07 tuổi nhận thức được một số chuyện thì cháu thấy một năm bố cháu đến thăm hai mẹ con khoảng một lần. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, cháu muốn bố cháu phải có trách nhiệm với cháu vì tử khi cháu sinh ra đến nay bố cháu không nuôi cháu.Hiện nay cháu đang làm công nhân tại khu công nghiệp huyện LS, lương một tháng là 4.000.000 đồng.

Tại bản tự khai cũng như tại biên bản lấy lời khai các anh chị em ruột nhà anh T gồm: anh trai cả Nguyễn Văn Th, chị dâu thứ Nguyễn Thị Tr (vợ của anh thứ hai Nguyễn Văn T), chị gái Nguyễn Thị Ngh, chị gái Nguyễn Thị Th đều trình bày anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị T kết hôn từ năm 1997, có tổ chức cưới hỏi, chị T về làm dâu được khoảng hai tháng thì xẩy ra mâu thuẫn với anh T nên bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T chê nhà anh T nghèo, nay anh T yêu cầu ly hôn với chị T, đề nghị Tòa án tạo điều kiện để anh T được ly hôn. Vợ chồng anh T không có tài sản chung, thửa đất mà anh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản do bố mẹ anh T để lại được chia cho ba anh em trai trong gia đình từ những năm 1992 trước khi chị T về là dâu nên đó là tài sản riêng của anh T.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72BLTTDS, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/9/2020 cũng như phiên hòa giải lần hai ngày 10/9/2020, tại các phiên tòa ngày 25/9/2020, ngày 29/9/2020 và tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 110, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 207,Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Toàn:

+ Tuyên bố xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

+ Bác yêu cầu cấp dưỡng của chị Hoàng Thị T về khoản tiền 200.000.000 đồng đối với anh T.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị T là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, chị Hoàng Thị T cư trú tại xóm ĐĐ, xã LS, huyện LS, tỉnh HB nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LS ngày 20/11/1997 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo anh T trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống được mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T rượu chè không làm chủ được bản thân nên thường xuyên chửi bới chị T, chi T bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm ĐĐ, xã LS sống từ năm 1998 đến nay, vợ chồng sống ly thân 23 năm không quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị T. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T biết được anh Nguyễn Văn T làm đơn xin ly hôn chị, tại bản tự khai chị xác nhận thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh Toàn trình bày là đúng, chị thừa nhận vợ chồng chị sống ly thân từ năm 1998 đến nay, chị một mình nuôi con nhưng tại phiên tòa chị lại trình bày chị và anh T không chung sống cùng nhau từ năm 1998 đến nay, chứ không phải sống ly thân, vợ chồng chị vẫn có quan hệ vợ chồng với nhau, vợ chồng chị sống ly thân mới khoảng mười năm, vợ chồng chị còn nhiều khúc mắc nên chị chưa đồng ý ly hôn. Nếu anh T đồng ý trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi cháu B vừa sinh ra đến khi cháu đủ 18 tuổi thì chị đồng ý ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy anh T trình bày anh và chị T đã sống ly thân 23 năm không quan tâm đến nhau nay anh cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn. Chị Hoàng Thị T trình bày vợ chồng anh chị mới sống ly thân được khoảng mười năm còn thời gian trước đó anh chị không chung sống cùng nhau nhưng vẫn quan hệ vợ chồng, anh chị còn nhiều khúc mắc nên chị chưa đồng ý ly hôn với anh T, chị T trình bày như vậy nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh lời trình bày của mình là đúng,không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn gia đình, cháu B con trai anh chị xác nhận từ năm cháu 07 tuổi một năm anh T chỉ đến thăm hai mẹ con một lần. Chị T không đồng ý ly hôn không phải vì còn thương yêu anh T, muốn đoàn tụ gia đình mà vì chị muốn anh T phải trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi cháu B vừa sinh ra đến khi cháu đủ 18 tuổi. Như vậy hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Chị T đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 3439/TB - TA ngày 01/9/2020 và thông báo hòa giải lần hai số 3446/TB - TA ngày 07/9/2020, tuy nhiên chị T không đến Tòa làm việc theo quy định của pháp luật nên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự . Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị T, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống anh T, chi T có một con chung, tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 12/02/1998. Hiện cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, có công việc làm ổn định, anh T không đề nghị tòa giải quyết. Còn chị T trình bày từ khi chị sinh con anh Toàn không có trách nhiệm với con, chị nuôi con một mình nên chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị từ khi cháu B vừa sinh đến khi cháu đủ 18 tuổi với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cha mẹ có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Tuy nhiên chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 8/1998 đến nay và nuôi con một mình, thời gian cháu B chưa thành niên chị không yêu cầu anh T có trách nhiệm nuôi con cùng chị, nay cháu B đã trên 18 tuổi, có công việc làm ổn định, thu nhập một tháng 4.000.000 đồng. Còn anh T, theo như anh trình bày cũng như xác minh tại chính quyền địa phương thì công việc chính của anh là làm ruộng (anh được Nhà nước giao cho gần hai sào đất nông nghiệp để trồng lúa) những lúc nông nhàn ai thuê

gì thì anh làm việc đó, thu nhập không ổn định, thu nhập thấp khoảng 2.000.000 đồng/ tháng nên chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 200.000.000 đồng kể từ khi cháu B mới sinh đến khi cháu đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy căn cứ vào Điều 110, Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 bác yêu cầu cấp dưỡng của chị T về khoản tiền 200.000.000 đồng đối với anh Nguyễn Văn T.

[4]. Về tài sản chung: anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa giải quyết; chị T trình bày tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án anh Nguyễn Văn T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 110, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 1 Điều 207,Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

2. Bác yêu cầu cấp dưỡng của chị Hoàng Thị T về khoản tiền 200.000.000 đồng đối với anh T.

3. Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002606 ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA